

Kh·a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 36CXD5 **Ñm h̃ c :** 2012-2013 **ḡ VHT :** 2
H̃ nT : **H̃ c phFn :** 122067201509 - Chĩĩ thuyĩĩ 2 **H̃ c k8 :** HK02
 (30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L P SV	H Vê TậN	NGÀY SINH	ệ IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30.00%	ệ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ệ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031597	36CXD5	Nguy n Ng c Bợ	10/03/1993				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
2	3671031054	36CXD5	Nguy n Qu c Bính	01/12/1994				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
3	3671031017	36CXD5	Nguy n Vinh Chánh	24/11/1987				10.0			10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
4	3671030984	36CXD5	Nguy n Vên Di p	20/07/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
5	3671031038	36CXD5	Nguy n Vên Dung	28/08/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
6	3671031032	36CXD5	Nguy n Trê ng Dê	23/11/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
7	3671031015	36CXD5	B¼ Sợ ệ Ỗ	18/09/1994				9.0			9.0	2.7	10.0	7.0	9.7	
8	3671030928	36CXD5	ệ inh Vên ệ c	05/05/1992				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
9	3671030991	36CXD5	Ng¹ Vên Hi/J	24/10/1994				9.0			9.0	2.7	0.0	0.0	2.7	
10	3671031012	36CXD5	Tiêu Trung Hi/J	21/03/1994				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
11	3671030904	36CXD5	Bùi Tá Tân Hoàng	16/10/1994				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
12	3671031076	36CXD5	L° Ng c Huy	28/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
13	3671030909	36CXD5	Trợn Quang Huy	20/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
14	3671031016	36CXD5	V» Qu c Huy	16/09/1994				8.0			8.0	2.4	1.0	0.7	3.1	
15	3671031037	36CXD5	ThiQ Vên Hêg	19/08/1991				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	N HP
16	3671031041	36CXD5	PhỖn Anh Kỉ t	10/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671031025	36CXD5	Ti Tr ng Khang	27/03/1994				0.0			0.0	0.0	1.5	1.1	1.1	
18	3671031858	36CXD5	Nguy n HỖ ệ Ỗng Khoa	28/05/1994				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
19	3671031479	36CXD5	PhỖn Vên Kh i	18/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

Kh·a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 36CXD5 **Ñm h̃ c :** 2012-2013 **ḡ VHT :** 2
H̃ nT : **H̃ c phFn :** 122067201509 - Chĩĩ thuyĩĩ 2 **H̃ c k8 :** HK02
 (30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L _u P SV	H _ọ Vê Tậ N	NGÀY SINH	q lqM THê NH PHêiN						TBC	QUY TS: 30.00%	q lqM THI	QUY TS : 70.00%	q lqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030940	36CXD5	Nguy _ê n Nhậ Nh-ê Khuê	30/01/1994				8.0			8.0	2.4	1.0	0.7	3.1	
21	3671031050	36CXD5	q inh Tuệ Linh	18/08/1994				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
22	3671030976	36CXD5	Nguy _ê n Duy Linh	06/06/1993				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
23	3671032019	36CXD5	Nguy _ê n Ng` c Linh	24/10/1993				3.0			3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
24	3671030913	36CXD5	V» Ng` c Linh	17/01/1994				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
25	3671030906	36CXD5	H ^o Ng` c Long	22/02/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
26	3671030982	36CXD5	Nguy _ê n Tệ Linh	12/04/1993				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
27	3671031020	36CXD5	Thái Phi Long	27/06/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
28	3671030978	36CXD5	Nguy _ê n Minh Luân	03/07/1994				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
29	3671030937	36CXD5	Lê Minh M ^h h	20/12/1994				9.0			9.0	2.7	1.0	0.7	3.4	
30	3671030980	36CXD5	Ph ^u m V ^h h Nam	01/04/1992				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
31	3671031955	36CXD5	Nguy _ê n Qu´ c Nguyên	06/02/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
32	3671031058	36CXD5	Hoàng Minh Phong	04/12/1994				8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
33	3671030924	36CXD5	Tr ^h h V ^h h Phúc	28/06/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
34	3671030951	36CXD5	Nguy _ê n Ng` c Ph-ợ c	16/03/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
35	3671031023	36CXD5	T ^h i T ^h ng	20/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HP
36	3671030927	36CXD5	Hu ^h nh Ng` c Tâm	04/09/1994				10.0			10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
37	3671031064	36CXD5	Nguy _ê n Ng` c Tệ Linh	05/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
38	3671030955	36CXD5	Lê Anh Tuệ Linh	09/06/1994				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	

Kh. a h c : **L p h c :** 36CXD5 **N l m h c :** 2012-2013 **q VHT :** 2
H q T : **H c p h f n :** 122067201509 - Ch l l thuy J 2 **H c k 8 :** HK02
 (30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S	L, P SV	H Vê TạN		NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031052	36CXD5	Nguy, n Ng c	TuBh	01/11/1994				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
40	3671030970	36CXD5	V» DỈ ng	TuBh	07/08/1994				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
41	3671031029	36CXD5	V» Vĩ t	TuyJh	10/02/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
42	3671030986	36CXD5	TrFh VLn	T	04/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
43	3671030052	36CXD5	Võ Trí	Thành	10/10/1994				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
44	3671031055	36CXD5	Hu8nh TBh	Thi	10/10/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
45	3671031083	36CXD5	Nguy, n Qu c	Th nh	03/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3671030973	36CXD5	TrFh VLn	Thông	13/08/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
47	3671030968	36CXD5	L VLn	Th a	20/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
48	3671031046	36CXD5	Mai Hu8nh H u	Trí	06/12/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
49	3671030921	36CXD5	Nguy, n VLn	Tr ng	03/05/1994				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
50	3671030947	36CXD5	H NhE	Ý	12/10/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	

Tr.HCM, ngày / /

Gişo Vi^on B, M¹ n

Giáo V Khoa